

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG CẤP THUỐC GIAI ĐOẠN NĂM 2025 - 2026 (LẦN 2)

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Quyết định số 266/QĐ-SYT ngày 14 tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

STT	STT trong HSMT	Mã phần lô	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	ĐDKLH hoặc GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1	852	PP2400436546	2	Bisoprolol fumarat	Proloisavi 10	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110370923	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Benovas	Viên	403.600	2.850	1.150.260.000	214
2	930	PP2400436624	2	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Negacef 500	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-24966-16	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Azenca	Viên	299.000	6.650	1.988.350.000	301
3	1733	PP2400437427	4	Bacillus clausii	Enterogran	2 tỷ bào tử/g	Thuốc bột	Uống	Hộp 20 gói x 1g	QLSP-954-16	Công ty Cổ phần Vắcxin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre	Gói	411.440	3.459	1.423.170.960	280
4	1987	PP2400437681	4	Desloratadin	Eucol 1,25mg/5ml	1,25mg/5ml	Dung dịch uống	Uống	Hộp 4 vỉ x 5 ống 5ml	893100220924 (VD-25968-16)	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Vnp	Ống	30.000	4.800	144.000.000	12
5	2433	PP2400438127	4	Meloxicam	Kamelox ODT 7.5	7,5mg	Viên nén phân tán trong miệng	Uống	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-34939-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Khải Bình	Viên	679.540	550	373.747.000	281
6	2728	PP2400438422	4	Prednison	Usasolu-Predni	20mg	Viên nén phân tán	Uống	Hộp 02 vỉ x 10 viên	VD-26234-17	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Medx	Viên	101.280	1.974	199.926.720	242
		Tổng giá trị trúng thầu: 5.279.454.680																

		BVĐK Đồng Nai (01)		BVĐK Thống Nhất ĐN (02)		BV Đa liễu (03)		BV Nhi (04)		BV YDCT (06)		BVĐK KV Định Quán (07)	
STT	STT trong HSMT	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)
1	852	400.000	120.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	930	100.000	30.000	5.000	1.500	15.000	4.500	-	-	-	-	10.000	3.000
3	1733	10.000	3.000	10.000	3.000	-	-	30.000	9.000	-	-	60.000	18.000
4	1987	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	1.500
5	2433	-	-	80.000	24.000	500	-	-	-	-	-	-	-
6	2728	19.280	5.784	-	-	-	-	20.000	6.000	12.000	2.700	30.000	9.000
		1.877.648.720		111.840.000		100.025.000		143.250.000		23.688.000		357.260.000	

		BVĐK KV Long Khánh (08)		BVĐK KV Long Thành (09)		TTYT H. Cẩm Mỹ (11)		TTYT H. Thống Nhất (12)		TTYT H. Nhơn Trạch (13)		TTYT H. Tân Phú (14)	
STT	STT trong HSMT	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)
1	852	-	-	-	-	3.600	1.080	-	-	-	-	-	-
2	930	84.000	25.200	-	-	-	-	-	-	-	-	45.000	-
3	1733	-	-	1.440	-	50.000	15.000	-	-	60.000	18.000	-	-
4	1987	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	2433	50.000	15.000	-	-	178.500	53.550	67.000	20.100	25.000	7.500	-	-
6	2728	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	3.000	-	-
		586.100.000		4.980.960		281.385.000		36.850.000		241.030.000		299.250.000	

		TTYT H. Trảng Bom (15)		TTYT H. Vĩnh Cửu (16)		TTYT H. Xuân Lộc (17)		TTYT TP. Long Khánh (20)		TTYT H. Long Thành (21)		BV Cao Su ĐN (24)	
STT	STT trong HSMT	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)
1	852	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	930	-	-	20.000	6.000	-	-	-	-	20.000	-	-	-
3	1733	40.000	-	-	-	150.000	45.000	-	-	-	-	-	-
4	1987	-	-	-	-	10.000	3.000	-	-	-	-	-	-
5	2433	-	-	12.000	3.600	41.000	12.300	-	-	20.000	-	95.540	19.100
6	2728	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	-	-	-
		138.360.000		139.600.000		589.400.000				163.740.000		52.547.000	

		BV Quân Y 7B (25)		Trường Sĩ Quan Lục Quân 2 (26)		Bệnh viện Âu Cơ (29)	
STT	STT trong HSMT	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Số lượng phân bổ	Tùy chọn mua thêm (nếu có)
1	852	-	-	-	-	-	-
2	930	-	-	-	-	-	-
3	1733	-	-	-	-	-	-
4	1987	-	-	-	-	15.000	-
5	2433	80.000	24.000	30.000	-	-	-
6	2728	-	-	-	-	-	-
		44.000.000		16.500.000		72.000.000	